

**TÒA PHÚC THẨM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 542/2026/HC-PT  
Ngày: 13/5/2026  
V/v khiếu kiện quyết định hành chính  
trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về thuế

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA PHÚC THẨM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Văn Khoa

*Các Thẩm phán:*

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Ông Ngô Mạnh Cường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Châu Loan, Thư ký viên Tòa Phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

**- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình N, Kiểm sát viên.

Từ ngày 07/5 đến ngày 13/5/2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 182/2026/TLPT-HC ngày 29/01/2026, về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về thuế”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 723/2025/HC-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1103/2026/QĐXX-PT ngày 17 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Công ty TNHH E1; Địa chỉ: 76/28 N, ấp P, xã P, thành phố Hồ Chí Minh.

**Người đại diện theo pháp luật:** Ông Jin M, Chức vụ: Tổng Giám đốc (vắng mặt).

**Người đại diện hợp pháp:** Công ty L3; Địa chỉ: Tầng F Tòa nhà B H, phường N, Thành phố Hà Nội (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 10/12/2025).

**Người đại diện hợp pháp của Công ty L3:** Ông Trần Gia T, sinh năm 1977; ông Trịnh Quốc B, sinh năm 1999; Ông Lê Ngọc H sinh năm 1993 hoặc ông Vũ Thanh H1, sinh năm 1993; Cùng địa chỉ: P, Tòa nhà A N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Quyết định cử người thực hiện công việc được uỷ

quyền số 175/QĐ-TGT ngày 27/12/2024; ông B có mặt; ông T, ông H và ông H1 vắng mặt).

- *Người bị kiện:*

1. Cục Thuế Thành phố H

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:* Thuế Thành phố H; Địa chỉ: F V, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Đoàn Minh D, Chức vụ: Trưởng Thuế Thành phố H (vắng mặt).

2. Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng:* Trưởng Thuế Thành phố H (vắng mặt).

*Người đại diện hợp pháp của Thuế Thành phố H và Trưởng Thuế Thành phố H:* Ông Nguyễn Tiến D1, Chức vụ: Phó Trưởng Thuế Thành phố H (theo Giấy ủy quyền ngày 10/9/2025, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:* Ông Lê Hữu C, ông Ngô Hoàng P, bà Ngụy Kim H2, bà Bùi Thị Ngọc A (theo Văn bản ngày 10/9/2025; ông P, bà H2 và bà A có mặt; ông C có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Công ty TNHH E1 là người khởi kiện.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện ngày 28/5/2025 và ngày 05/8/2025, bản tự khai, Công ty TNHH E1 (sau đây viết tắt là E.land) yêu cầu Tòa án tuyên:*

- Hủy một phần Quyết định số 1912/QĐ-CT ngày 14/06/2024 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H (nay là Trưởng Thuế Thành phố H - viết tắt là Trưởng T1) về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế liên quan đến tiền phạt khai sai, tiền truy thu và tiền chậm nộp tiền thuế TNDN của E.Land (viết tắt là Quyết định số 1912);

- Buộc Cục Thuế Thành phố H (nay là Thuế Thành phố H - viết tắt là Thuế TP .) hoàn trả lại cho E.Land số tiền phạt khai sai, tiền truy thu và tiền chậm nộp tiền thuế TNDN mà E.Land đã nộp vào ngân sách Nhà nước theo Quyết định số 1912 tổng số tiền là 12.004.139.730 đồng.

Ngày 14/03/2024, Trưởng Thuế ban hành Quyết định số 173/QĐ-CT-KT (viết tắt là Quyết định số 173) về việc kiểm tra thuế tại E.Land, kiểm tra về Thuế giá trị gia tăng (GTGT); Thuế TNDN; Thuế thu nhập cá nhân; Rà soát các khoản thu từ đất (tiền sử dụng đất, tiền thuê đất) của Nhà nước. Thời kỳ kiểm tra là từ năm 2021 đến năm 2022, với thời hạn kiểm tra là 10 ngày làm việc kể từ ngày công bố Quyết định 173.

Tại Biên bản kiểm tra thuế ngày 11/6/2024, Đoàn kiểm tra thuế của Thuế TP . đã cho rằng E.Land còn tồn tại một số vấn đề liên quan đến việc chấp hành pháp luật thuế, cụ thể như sau:

*“Doanh nghiệp có kê khai thông tin về quan hệ liên kết và giao dịch liên kết; có lập hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết. Tuy nhiên, **thông tin về các công ty độc lập do Doanh nghiệp lựa chọn để so sánh là chưa phù hợp.***

*... Doanh nghiệp thực hiện không đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ về quản lý thuế đối với Doanh nghiệp có giao dịch liên kết”.*

Đoàn kiểm tra thuế của Thuế TP . đã ấn định tỷ suất lợi nhuận và thu nhập chịu thuế đối với E.Land theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 132.

Đoàn kiểm tra điều chỉnh tăng số thuế thu nhập doanh nghiệp mà E.Land phải nộp trong năm 2021 là 2.910.685.292 đồng và năm 2022 là 5.850.313.127 đồng.

Kiến nghị truy thu thuế TNDN là 8.760.998.419 đồng, xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với E.Land về *“Hành vi khai sai thuế thu nhập doanh nghiệp dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp”* số tiền là 1.752.199.684 đồng và tính tiền chậm nộp về thuế do đã có *“Hành vi chậm nộp tiền thuế thu nhập doanh nghiệp”* tính đến hết ngày 11/06/2024 số tiền là 1.464.658.633 đồng.

Trong suốt quá trình kiểm tra thuế, E.Land không đồng ý với quan điểm của Đoàn kiểm tra thuế về việc thông tin về các công ty độc lập do E.Land lựa chọn để so sánh là chưa phù hợp, không đồng ý ấn định tỷ suất lợi nhuận và thu nhập chịu thuế đối với E.Land.

E.Land cũng đã nhiều lần gửi các công văn để giải trình về vấn đề này (Công văn số 01/2024/CTT ngày 02/04/2024; Công văn ngày 09/04/2024; Công văn số 03/2024/KTT ngày 23/04/2024; Công văn ngày 05/06/2024; Công văn số 05/2024/KTT ngày 11/06/2024) và giải trình trực tiếp theo ghi nhận tại Biên bản làm việc ngày 09/05/2024 và Biên bản kiểm tra thuế nhưng vẫn không được Thuế TP . chấp nhận.

Ngày 14/06/2024, Trưởng T1 đã căn cứ vào Biên bản kiểm tra thuế để ban hành Quyết định số 1912.

Ngày 20/06/2024, E.Land đã nộp phạt với tổng số tiền là 12.004.139.730 đồng, trong đó bao gồm:

- Tiền truy thu thuế TNDN: 8.760.998.419 đồng;
- Tiền phạt vi phạm hành chính: 1.752.199.684 đồng;
- Tiền chậm nộp tính đến ngày 20/06/2024: 1.490.941.627 đồng.

\* Lý do Thuế TP . truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp, xử phạt vi phạm hành chính và tính tiền chậm nộp đối với E.Land liên quan đến các giao dịch liên kết của Công ty:

1. Biên bản làm việc ngày 12/04/2024, Đoàn kiểm tra thuế cho rằng việc lựa chọn đối tượng độc lập để so sánh với kết quả kinh doanh, với tỷ suất lợi nhuận và cơ sở đề điều chỉnh khác biệt trọng yếu để tính toán lại tỷ suất lợi nhuận của E.Land là không phù hợp theo quy định tại Nghị định 132 với lý do như sau:

*“Theo dữ liệu của Công ty năm 2021: Công ty L4 đối tượng độc lập để so sánh trong đó có 3 đối tượng có lợi nhuận thuần là âm, 02 đối tượng có doanh thu thấp (25,4 tỷ đồng và 137 tỷ đồng);*

*Theo dữ liệu của Công ty năm 2022: Công ty L4 đối tượng độc lập để so sánh trong đó có 3 đối tượng không tương đồng về quy mô”.*

2. Biên bản kiểm tra thuế, lý do mà Đoàn kiểm tra thuế đưa ra khi điều chỉnh tăng thuế TNDN mà Công ty phải nộp liên quan đến các giao dịch liên kết (“GDLK”) của E.Land là vì:

*“Doanh nghiệp có kê khai thông tin về quan hệ liên kết và GDLK; có lập hồ sơ xác định giá GDLK. Tuy nhiên, thông tin về các công ty độc lập do Doanh nghiệp lựa chọn để so sánh là chưa phù hợp;*

*... Doanh nghiệp thực hiện không đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ về quản lý thuế đối với Doanh nghiệp có giao dịch liên kết”.*

Trên cơ sở đó, Đoàn kiểm tra thực hiện ấn định thu nhập chịu thuế và tỷ suất lợi nhuận đối với E.Land theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 132. Đồng thời, Đoàn kiểm tra thuế đã kiến nghị truy thu thuế, xử phạt vi phạm hành chính và tính tiền chậm nộp đối với E.Land về “Hành vi khai sai thuế thu nhập doanh nghiệp dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp” và “Hành vi chậm nộp tiền thuế thu nhập doanh nghiệp”.

\* Căn cứ khởi kiện của E.Land:

1. E.Land đã tuân thủ các quy định của pháp luật và đảm bảo phản ánh tính đa dạng, khách quan của thị trường khi lựa chọn các đối tượng so sánh độc lập.

Như vậy, việc có một số đối tượng so sánh độc lập có doanh thu thuần âm, doanh thu thấp hơn hoặc có quy mô không tương đồng so với E.Land trong danh sách các đối tượng so sánh độc lập của E.Land năm 2021 và năm 2022 không vi phạm bất kỳ quy định nào của pháp luật liên quan đến việc lựa chọn đối tượng so sánh.

Trong 08 đối tượng so sánh độc lập được lựa chọn cho năm 2022 như liệt kê tại Phụ lục 3 Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết năm 2022 của E.Land (trang 59 và trang 60), C3 và CTCP Đầu tư và Thương mại T2 là hai công ty có doanh thu cao nhất năm 2022, lần lượt là 611.203.072.687 đồng và 1.069.990.423.889 đồng nhưng tỷ suất lợi nhuận thuần của hai công ty này chỉ đạt 3,44% và 8,78%, thấp hơn tỷ suất lợi nhuận thuần của CTCP Đầu tư và Phát triển T3 (10,60%) và CTCP May Xuất khẩu P1 (11,14%). Trong khi đó, doanh

thu của CTCP May Xuất khẩu P1 và CTCP Đầu tư và Phát triển T3 năm 2022 chỉ đạt 287.187.761.851 đồng và 500.916.818.173 đồng, thấp hơn nhiều so với mức doanh thu của C3 và CTCP Đầu tư và Thương mại T2.

Không đồng ý với Mục 5.2 của Biên bản làm việc ngày 12/04/2024 giữa Đoàn kiểm tra thuế và E.Land (trang 4 và trang 5), Đoàn kiểm tra thuế cho rằng *“việc lựa chọn đối tượng so sánh độc lập để so sánh với kết quả kinh doanh, với tỷ suất lợi nhuận và cơ sở để điều chỉnh khác biệt trọng yếu để tính toán lại tỷ suất lợi nhuận của E.Land là không phù hợp theo quy định tại Nghị định 132”* do:

- 3/8 đối tượng so sánh độc lập do E.Land lựa chọn để so sánh năm 2021 có lợi nhuận thuần âm;

- 2/8 đối tượng so sánh độc lập do E.Land lựa chọn để so sánh năm 2021 có doanh thu thấp (25,4 tỷ đồng và 137 tỷ đồng);

- 3/8 đối tượng so sánh độc lập do E.Land lựa chọn để so sánh năm 2022 không tương đồng về quy mô. Các doanh nghiệp nêu trên vào danh sách các đối tượng so sánh độc lập còn đảm bảo phản ánh tính đa dạng, khách quan của thị trường gia công may mặc Việt Nam trong quá trình so sánh.

Thuế TP . đã vi phạm quy định tại điểm d khoản 2 Điều 14 và Điều 17 Nghị định 132 khi loại bỏ một số đối tượng so sánh độc lập mà E.Land lựa chọn với lý do là các đối tượng đó có lợi nhuận thuần âm, doanh thu thấp hoặc không tương đồng về quy mô.

Bên cạnh đó, các đối tượng so sánh độc lập trong hai năm 2021 và 2022 được E.Land lựa chọn đều được sàng lọc từ các cơ sở dữ liệu theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định 132, trong đó E.Land chủ yếu sử dụng thông tin dữ liệu của các doanh nghiệp được công bố công khai trên thị trường chứng khoán (điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định 132) và cơ sở dữ liệu thương mại như cơ sở dữ liệu thương mại C1 do công ty B1 của Hà L cung cấp và cơ sở dữ liệu thương mại O do Thomson R cung cấp (điểm a khoản 1 Điều 17 Nghị định 132).

Đồng thời, Nghị định 132 không có bất kỳ quy định nào về mức doanh thu của các công ty so sánh độc lập mà người nộp thuế cần phải tuân theo khi lựa chọn các đối tượng so sánh độc lập. Như vậy, việc có một số đối tượng so sánh độc lập có doanh thu thuần âm, doanh thu thấp hơn hoặc có quy mô không tương đồng so với E.Land trong danh sách các đối tượng so sánh độc lập của E.Land năm 2021 và năm 2022 không vi phạm bất kỳ quy định nào của pháp luật liên quan đến việc lựa chọn đối tượng so sánh. Thậm chí, việc đưa các doanh nghiệp nêu trên vào danh sách các đối tượng so sánh độc lập còn đảm bảo phản ánh tính đa dạng, khách quan của thị trường gia công may mặc Việt Nam trong quá trình so sánh, giúp E.Land đảm bảo về số lượng đối tượng so sánh độc lập tối thiểu cần lựa chọn theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định 132.

Tuy nhiên, trên thực tế, Đoàn kiểm tra thuế chỉ nêu rằng việc lựa chọn các đối tượng so sánh độc lập nêu trên *“là không phù hợp theo quy định tại Nghị*

định 132” mà không dẫn chứng bất kỳ quy định pháp luật cụ thể nào. Có thể thấy rằng nhận định nêu trên của Đoàn kiểm tra thuế là thiếu căn cứ xác thực.

2. Thuế TP . đã vi phạm quy định tại Điều 53 Luật Quản lý thuế 2019 khi ấn định tỷ suất lợi nhuận:

E.Land không thuộc trường hợp bị ấn định tỷ suất lợi nhuận và thu nhập chịu thuế theo quy định pháp luật:

Theo khoản 3 Điều 20 Nghị định 132 quy định về trách nhiệm và quyền hạn của Cơ quan thuế trong quản lý giá giao dịch liên kết: “3. Cơ quan thuế có quyền ấn định mức giá; tỷ suất lợi nhuận; tỷ lệ phân bổ lợi nhuận; thu nhập chịu thuế hoặc số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với người nộp thuế không tuân thủ quy định về kê khai, xác định giá giao dịch liên kết; không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ thông tin, dữ liệu kê khai xác định giá giao dịch liên kết trong các trường hợp sau:

a) Người nộp thuế không kê khai, kê khai không đầy đủ thông tin hoặc không nộp Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Người nộp thuế cung cấp không đầy đủ thông tin Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết quy định tại Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này hoặc không xuất trình Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết và các dữ liệu, chứng từ và tài liệu được sử dụng làm căn cứ phân tích, so sánh, xác định giá tại Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết theo yêu cầu của Cơ quan thuế trong thời hạn theo quy định tại Nghị định này. Thông tin tại Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết được xác định là trọng yếu nếu thông tin này gây ảnh hưởng đến kết quả phân tích lựa chọn đối tượng so sánh độc lập tương đồng; phương pháp xác định giá giao dịch liên kết hoặc kết quả điều chỉnh mức giá, tỷ suất lợi nhuận, tỷ lệ phân bổ lợi nhuận của người nộp thuế;

c) Người nộp thuế sử dụng các thông tin về giao dịch độc lập không trung thực, không đúng thực tế để phân tích, so sánh, kê khai xác định giá giao dịch liên kết hoặc dựa vào các tài liệu, dữ liệu và chứng từ không hợp pháp, không hợp lệ hoặc không nêu rõ nguồn gốc xuất xứ để xác định mức giá, tỷ suất lợi nhuận hoặc tỷ lệ phân bổ lợi nhuận áp dụng cho giao dịch liên kết;

d) Người nộp thuế có hành vi vi phạm các quy định về xác định giá giao dịch liên kết tại Điều 19 Nghị định này”.

Như vậy, nếu người nộp thuế không thuộc bất kỳ trường hợp nào quy định tại các khoản 3 Điều 20 Nghị định 132 nêu trên thì cơ quan thuế không có quyền ấn định tỷ suất lợi nhuận và thu nhập chịu thuế đối với người nộp thuế.

Điều 53 Luật Quản lý thuế năm 2019 quy định về trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong việc ấn định thuế như sau: “2. Trường hợp cơ quan quản lý thuế thực hiện ấn định thuế qua kiểm tra thuế, thanh tra thuế thì lý do ấn định thuế, căn cứ ấn định thuế, số tiền thuế ấn định, thời hạn nộp tiền thuế phải được ghi trong biên bản kiểm tra thuế, thanh tra thuế, quyết định xử lý về thuế của cơ quan quản lý thuế”.

Điểm c khoản 2 Điều 8 Nghị định 132 quy định về việc điều chỉnh mức giá, tỷ suất lợi nhuận, tỷ lệ phân bổ lợi nhuận của người nộp thuế như sau: *“Trường hợp cơ quan thuế thực hiện điều chỉnh hoặc ấn định mức giá, tỷ suất lợi nhuận, tỷ lệ phân bổ lợi nhuận của người nộp thuế, giá trị điều chỉnh hoặc ấn định là giá trị trung vị của khoảng giá trị giao dịch độc lập chuẩn”*.

Trên thực tế, tại Biên bản kiểm tra và tất cả các văn bản mà Thuế TP . ban hành trong thời kỳ kiểm tra thuế tại E.Land đều không ghi nhận nội dung về lý do ấn định thuế, căn cứ ấn định thuế. Thuế TP . chỉ đưa mức tỷ suất ấn định cho hai năm 2021 và 2022 lần lượt là 3.17% và 5.90% mà không căn cứ vào bất kỳ số liệu nào, cũng không tính toán theo giá trị trung vị của khoảng giá trị giao dịch độc lập chuẩn.

*Người đại diện hợp pháp của người bị kiện trình bày:*

E.Land có kê khai thông tin về quan hệ liên kết và giao dịch liên kết, có lập hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết. Tuy nhiên, E.Land lựa chọn các công ty độc lập để so sánh là chưa phù hợp (năm 2021: lựa chọn 08 công ty, trong đó có 05 công ty bị lỗ và không tương đồng về quy mô; năm 2022: có 05 công ty không tương đồng về quy mô). Do đó, dữ liệu xác định giá thị trường của E.Land đưa ra là chưa phù hợp.

Do đó, Thuế TP . đã thực hiện ấn định thu nhập chịu thuế theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 132. Trong đó, phương pháp ấn định là tỷ suất thu nhập thuần/tổng chi phí; dữ liệu ấn định là dữ liệu quản lý thuế theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 20, điểm d khoản 2 Điều 17 Nghị định 132.

*Diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm:*

*Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện:* E.Land yêu cầu hủy 1 phần Quyết định số 1912 và yêu cầu Thuế TP . hoàn trả số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp, xử phạt vi phạm hành chính đã nộp.

Lý do, E.Land không thuộc trường hợp ấn định tỷ suất lợi nhuận. Công ty đã so sánh 8 công ty trong lĩnh vực, ngành nghề để so sánh tỷ suất lợi nhuận trong 02 năm 2020-2021 là đúng quy định pháp luật, đồng thời năm 2020-2021 chịu ảnh hưởng của dịch covid 2019 nên lợi nhuận âm là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:* Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của E.Land. Công ty E1 là công ty con của E.Land Asia Holdings Pte.Ltd (là nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn của E.Land Việt Nam. Thực hiện hoạt động may gia công cho công ty mẹ ở nước ngoài. Trong 02 năm 2020-2021, E.Land thực hiện gia công cho các bên liên kết theo 02 hợp đồng gia công xuyên suốt:

- Hợp đồng EW-32 ngày 03/02/2020 ký với E.Land Word L1 (K), thời hạn hợp đồng đến ngày 03/02/2021. Trị giá hợp đồng theo giá FOB là 50.750.000 USD. Đến tháng 4/2021 đã thanh lý;

- Hợp đồng EW-34 ngày 03/02/2021 ký với E.Land Word Ltd, thời hạn hợp đồng đến ngày 03/02/2022. Trị giá hợp đồng theo giá FOB là 50.750.000 USD. Hợp đồng được gia hạn thời hạn thực hiện hợp đồng đến ngày 04/01/2027, trị giá FOB là 108.200.000 USD.

Với đơn giá gia công thấp, sau khi trừ chi phí là lợi nhuận âm là không đúng với thực tế kinh doanh của doanh nghiệp trong cùng ngành nghề. Vì vậy, việc cơ quan thuế ấn định tỷ suất lợi nhuận, buộc Công ty phải nộp bổ sung số thuế thu nhập doanh nghiệp và xử phạt kê khai thuế là đúng quy định.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 723/2025/HC-ST ngày 22/9/2025, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

Căn cứ vào các Điều 3, Điều 32, Điều 115, Điều 116, Điều 157, khoản 2 Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 và Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị Quyết 01/2025/HĐTP ngày 27/6/2025 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân,

*Tuyên xử:*

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH E2 về:

- Hủy một phần Quyết định số 1912/QĐ-CT ngày 14/06/2024 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H (nay là Trưởng Thuế Thành phố H) về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế liên quan đến tiền phạt khai sai, tiền truy thu và tiền chậm nộp tiền thuế TNDN của Công ty TNHH E2;

- Buộc Cục Thuế Thành phố H (nay là Thuế Thành phố H) hoàn trả lại cho Công ty TNHH E2 số tiền phạt khai sai, tiền truy thu và tiền chậm nộp tiền thuế TNDN mà Công ty đã nộp vào ngân sách Nhà nước theo Quyết định số 1912/QĐ-CT ngày 14/06/2024 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H tổng số tiền là **12.004.139.730** (mười hai tỷ không trăm lẻ bốn triệu một trăm ba mươi chín ngàn bảy trăm ba mươi) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/9/2025, E.Land kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của E.Land.

*Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:* Ông Trịnh Quốc B là người đại diện hợp pháp của E.Land không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện; người đại diện hợp pháp của người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa nên không thể hiện ý

kiến; các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ và không tự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*Trong phần tranh luận, các đương sự trình bày như sau:*

1. Ông Trịnh Quốc B:

- E.Land lựa chọn 08 công ty làm đối tượng so sánh độc lập, trong đó năm 2021 có 3/8 công ty có lợi nhuận thuần âm, có 2/8 công ty có doanh thu thấp; năm 2022 có 3/8 công ty có lợi nhuận thuần âm là đã đảm bảo tính tương đồng, tính đa dạng, tính khách quan của thị trường gia công hàng may mặc, phù hợp với các quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 14, điểm b khoản 1 Điều 16, các khoản 1, 7 Điều 32 của Nghị định số 132; đồng thời các văn bản pháp luật có liên quan đều không có điều khoản nào cấm E.Land lựa chọn các công ty có lợi nhuận thuần âm.

- Tại điểm d khoản 2 Điều 14, Điều 17 của Nghị định số 132 và Điều 53 Luật Quản lý thuế có quy định rằng trường hợp có yếu tố khác biệt ảnh hưởng trọng yếu đến mức giá, tỷ suất lợi nhuận...thì phải phân tích, xác định và thực hiện điều chỉnh loại trừ yếu tố khác biệt trọng yếu đó. Trên thực tế thì Thuế TP . đã không thực hiện việc điều chỉnh mà loại trừ ngay các yếu tố khác biệt này là không đúng pháp luật; đồng thời phần nhận định của bản án sơ thẩm đã có sự nhầm lẫn giữa các khái niệm “điều chỉnh loại trừ khác biệt trọng yếu” và “loại bỏ đối tượng so sánh”.

- Thuế TP . đã không chỉ ra được trường hợp E.Land bị ấn định thuế thuộc trường hợp nào của khoản 1 Điều 20 Nghị định số 132.

- Ngày 22/9/2025 (tức ngày tuyên án) Thuế TP . cung cấp cho Toà án cấp sơ thẩm Công văn số 2796/TPHCM-NVDTTC đề ngày 19/9/2025 và Văn bản đề ngày 05/6/2024 mà không phải trong giai đoạn chuẩn bị xét xử làm cho người khởi kiện không có thời gian để tiếp cận các chứng cứ này, vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 83, khoản 2 Điều 133 Luật Tố tụng hành chính.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của E.Land, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của E.Land.

2. Ông Ngô Hoàng P, bà Nguyễn Kim H2 và bà Bùi Thị Ngọc A: Tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định số 132 quy định việc lựa chọn đối tượng độc lập phải bảo đảm tính tương đồng giữa các doanh nghiệp, không có yếu tố khác biệt, ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận. Việc E.Land lựa chọn 8 đối tượng trong đó có 02 đối tượng có lợi nhuận thuần âm, có 02 đối tượng có doanh thu thấp lần lượt là 25,4 tỷ đồng và 137 tỷ đồng, trong khi doanh thu của E.Land trên 500 tỷ đồng là không đảm bảo tính tương đồng. Như vậy, E.Land đã có hành vi kê khai không đầy đủ thông tin về thuế TNDN nên thuộc trường hợp phải ấn định thuế theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 20 Nghị định số 132 (kèm theo Phụ lục số 01). Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của E.L2 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:*

1. Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn xét xử phúc thẩm.

2. Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo, quyết định kháng nghị: Đơn kháng cáo của E.Land làm trong hạn luật định, đúng hình thức. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

3. Về nội dung kháng cáo: E.Land lựa chọn 8 đối tượng trong đó có 02 đối tượng có lợi nhuận thuần âm, có 02 đối tượng có doanh thu thấp lần lượt là 25,4 tỷ đồng và 137 tỷ đồng, trong khi doanh thu của E.Land trên 500 tỷ đồng là không đảm bảo tính tương đồng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định số 132 là đã có hành vi kê khai không đầy đủ thông tin về thuế TNDN nên thuộc trường hợp phải ấn định thuế theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 20 Nghị định số 132. Bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của E.Land là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của E.Land và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của E.Land làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Thuế Thành phố Hồ Chí Minh và Trưởng Thuế Thành phố H tham gia tố tụng với tư cách là người bị kiện và ủy quyền hợp pháp cho ông Nguyễn Tiến D1 tham gia tố tụng. Tuy nhiên, ông D1 có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện: Quyết định số 1912 của Trưởng Thuế Thành phố H ban hành ngày 14/6/2024, có nội dung xử phạt các vi phạm về thuế đối với E.Land. Đây là quyết định hành chính của cơ quan Nhà nước cấp tỉnh trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về thuế. E.Land khởi kiện yêu cầu hủy quyết định nêu trên và yêu cầu Thuế Thành phố H trả lại số tiền phạt mà E.Land đã nộp vào ngày 28/5/2025. Do đó, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, xét xử vụ án là đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền và còn thời hiệu khởi kiện, phù hợp với các quy định tại các khoản 1, 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32 điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[4] Xét kháng cáo của E.Land và Quyết định số 1912, nhận thấy:

[4.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành: Trước khi ban hành Quyết định số 1912, Thuế Thành phố H đã ban hành Quyết định kiểm tra số 173

ngày 14/3/2024, có tiến hành kiểm tra và lập Biên bản kiểm tra ngày 11/6/2024. Do đó, Quyết định số 1912 được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, phù hợp với các quy định tại các khoản 3, 4 Điều 19, Điều 110, Điều 112 Luật Quản lý thuế năm 2019.

[4.2] Về nội dung:

[4.2.1] Về ấn định tỷ suất lợi nhuận, điều chỉnh tăng số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp:

Công ty E1.E1 là doanh nghiệp có 100% vốn nước ngoài được thành lập bởi nhà đầu tư E.Land Asia Holdings Pte.Ltd, có trụ sở tại Singapore; các bên liên kết là EAHS - là nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn của E.Land; các giao dịch liên kết của E.Land là cung cấp dịch vụ gia công chủ yếu cho EWC, EAHK, TCT, SYV và trả lãi vay, phí bảo lãnh các khoản vay cho EAHS, EWC.

- Trong năm 2021 và 2022, giá trị các giao dịch liên kết của E.Land lần lượt là 536.720.413.484 đồng và 528.482.293.714 đồng, cụ thể như sau:

| STT       | Tên giao dịch                     | Bên liên kết | Số tiền (năm 2021) | Số tiền (năm 2022) |
|-----------|-----------------------------------|--------------|--------------------|--------------------|
| 1         | Cung cấp dịch vụ gia công         | EWC          | 456,801,463,362    | 477,396,000,012    |
|           |                                   | EAHK         | 64,585,122,049     | 47,481,834,189     |
|           |                                   | TCT          | 3,149,986,989      | 0                  |
|           |                                   | SYV          | 9,423,056,916      | 202,990,400        |
|           |                                   | Wish HK      | 0                  | 1,066,407,488      |
| 2         | Thanh toán lãi vay                | EAHS         | 467,585,085        | 387,936,219        |
| 3         | Thanh toán phí bảo lãnh khoản vay | EWC          | 2,293,199,083      | 1,947,125,406      |
| Tổng cộng |                                   |              | 536,720,413,484    | 528,482,293,714    |

- Về khách hàng: khách hàng chính là EWC và EAHK.

Trong năm 2021, 2022 E.Land thực hiện gia công sản phẩm may mặc chủ yếu theo 02 hợp đồng chính:

(1) Hợp đồng EW-32 ngày 03/02/2020 ký với E.Land Word L1 (K), thời hạn hợp đồng đến ngày 03/02/2021. Trị giá hợp đồng theo giá FOB là 50.750.000 USD.

(2) Hợp đồng EW-34 ngày 03/02/2021 ký với E.Land Word Ltd, thời hạn hợp đồng đến ngày 03/02/2022. Trị giá hợp đồng theo giá FOB là 50.750.000

USD. Phụ lục hợp đồng ký ngày 01/12/2022, gia hạn thời hạn thực hiện hợp đồng đến ngày 04/01/2027, trị giá FOB là 108.200.000 USD.

(3) Và một số hợp đồng sản xuất, gia công khác (bao gồm ký với bên liên kết và bên độc lập).

Cụ thể, năm 2021, GDLK chiếm tương đương 95,5% tổng doanh thu; năm 2022 chiếm tương đương 99,9%. E.Land không tự kinh doanh độc lập trên thị trường mà là một phần trong chuỗi giá trị của tập đoàn, hoạt động theo đơn đặt hàng được đảm bảo từ công ty mẹ hoặc công ty L5.

Với mô hình này, E.Land hoàn toàn phù hợp với định nghĩa tại điểm d khoản 2 Điều 14 Nghị định 132 “*Người nộp thuế thực hiện kinh doanh với chức năng sản xuất phân phối đơn giản, không có chức năng quyết định chiến lược và phát sinh giao dịch tạo giá trị gia tăng thấp, không chịu rủi ro hàng tồn kho, rủi ro thị trường và không phát sinh doanh thu, chi phí từ hoạt động khai thác tài sản vô hình thì không gánh chịu lỗ phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh từ các rủi ro này*”.

- Kết quả kinh doanh của Doanh nghiệp trong niên độ 2021, 2022 (niên độ kiểm tra) và năm liền kề (năm 2023) thể hiện như sau:

| STT | Chỉ tiêu                            | Năm 2021                | Năm 2022                | Năm 2023               |
|-----|-------------------------------------|-------------------------|-------------------------|------------------------|
| 1   | Doanh thu bán HH và dịch vụ         | 559,423,703,475         | 563,467,052,523         | 440,436,445,362        |
| 2   | Chi phí SXKD                        | 587,802,958,372         | 577,634,691,780         | 449,577,584,146        |
| 3   | <b>Lợi nhuận thuần</b>              | <b>- 28,379,254,897</b> | <b>- 14,167,639,257</b> | <b>- 9,141,138,784</b> |
| 3   | <b>Tỷ suất LN<br/>nhuận/tổng CP</b> | <b>- 4.83%</b>          | <b>- 2.45%</b>          | <b>- 2.03%</b>         |
| 4   | Thu nhập tài chính                  | - 5,530,129,540         | - 6,681,037,334         | - 6,326,594,530        |
| 5   | Lợi nhuận khác                      | - 2,004,342,337         | - 719,866,778           | 3,086,203,962          |
| 6   | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế   | - 35,913,726,774        | - 21,568,543,369        | - 12,381,529,352       |

E.Land chủ động trong việc báo giá được tính dựa trên cơ sở đơn giá của từng đơn hàng cụ thể cộng một khoản lợi nhuận, tuy nhiên công ty lại thua lỗ liên tục. Như vậy, giá gia công của E.Land không phải do E.Land quyết định theo nguyên tắc thị trường, mà bị ấn định bởi các bên liên kết trong một mối quan hệ không ngang bằng.

Về việc lựa chọn các công ty thua lỗ và quy mô nhỏ để so sánh: điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định 132/2020/NĐ-CP yêu cầu việc phân tích so sánh phải “*đảm bảo tính tương đồng..., không có yếu tố khác biệt ảnh hưởng trọng yếu đến mức giá; tỷ suất lợi nhuận...*”.

Một công ty gia công rủi ro thấp như E.Land phải được so sánh với các công ty độc lập có cùng chức năng và mức độ rủi ro tương tự - những công ty này thường sẽ có lợi nhuận ổn định.

Việc lựa chọn các công ty thua lỗ (vốn là những công ty đang gánh chịu rủi ro thị trường nặng nề) để đưa vào bộ dữ liệu so sánh là không đúng bản chất, nhằm thuyết minh cho khoản lỗ không hợp lý của Công ty E.Land. Một doanh nghiệp hoạt động thua lỗ liên tục hoặc có quy mô quá nhỏ sẽ có những điều kiện kinh tế và rủi ro kinh doanh hoàn toàn khác biệt so với một doanh nghiệp có quy mô lớn và hoạt động ổn định như E.Land. Các yếu tố như khả năng đàm phán giá, hiệu quả quy mô, khả năng tiếp cận vốn, mức độ chịu đựng rủi ro thị trường... là khác biệt trọng yếu.

Theo quy định tại khoản 6 Điều 10 Nghị định 132, khác biệt về “chức năng, tài sản và rủi ro” là khác biệt trọng yếu và phải được loại trừ. Các công ty thua lỗ này có cấu trúc rủi ro hoàn toàn khác E.Land. Do đó cơ quan thuế loại bỏ các công ty này là có cơ sở. Các lập luận của E.Land về lựa chọn đối tượng so sánh và điều chỉnh khác biệt là không đúng quy định pháp luật.

[4.2.2] Về việc điều chỉnh các “*chi phí bất thường*” do C2, thiếu đơn hàng mà E.Land đưa ra là không hợp lý, vì tại thời điểm kiểm tra, E.Land đang thực hiện gia công cho các bên liên kết theo 02 hợp đồng gia công xuyên suốt:

- Hợp đồng EW-32 ngày 03/02/2020 ký với E.Land Word L1 (K), thời hạn hợp đồng đến ngày 03/02/2021. Trị giá hợp đồng theo giá FOB là 50.750.000 USD. Đến tháng 4/2021 đã thanh lý.

- Hợp đồng EW-34 ngày 03/02/2021 ký với E.Land Word Ltd, thời hạn hợp đồng đến ngày 03/02/2022. Trị giá hợp đồng theo giá FOB là 50.750.000 USD. Hợp đồng này được gia hạn thời hạn thực hiện hợp đồng đến ngày 04/01/2027, trị giá FOB là 108.200.000 USD.

Ngoài ra, trong một giao dịch độc lập, bên đặt hàng (EWC, EAHK) phải trả một mức giá gia công đủ để E.Land trang trải các chi phí cố định và có lợi nhuận hợp lý, ngay cả khi nhà máy hoạt động dưới công suất.

Căn cứ vào các nhận định trên đây, nhận thấy Thuế Thành phố H đã phân tích kết quả kinh doanh của E.Land và thu thập dữ liệu từ các đơn vị kinh doanh cùng ngành nghề, cùng địa bàn trên hệ thống dữ liệu Thuế đã xác định Công ty E.Land thực hiện mua bán với các bên có quan hệ liên kết thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, d, đ, k, khoản 2, Điều 5 Nghị định số 132 và xác định E.Land đã khai báo thuế không trung thực nên ấn định tỷ suất lợi nhuận 3,17% năm 2021 và 5,19% năm 2022 là đúng tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 132. Trong đó, phương pháp ấn định là tỷ suất thu nhập thuần/tổng chi phí; dữ liệu ấn định là dữ liệu quản lý thuế theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 20, điểm d khoản 2 Điều 17 Nghị định 132. Việc E.Land cho rằng cơ quan thuế đã không chỉ ra được việc ấn định thuế đối với E.Land thuộc trường hợp nào của Điều 20 Nghị định số 132 là không có căn cứ.

[5] Việc Tòa án cấp sơ thẩm tiếp nhận Công văn số 2796/TPHCM-NVDTPC đề ngày 19/9/2025 và Văn bản đề ngày 05/6/2024 tại phiên tòa mà không phải trong giai đoạn chuẩn bị xét xử làm cho người khởi kiện không có thời gian để tiếp cận các chứng cứ này là có thiếu sót. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm người bị kiện đã được tiếp cận các chứng cứ này nên không thuộc trường hợp vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[6] Từ những phân tích nêu trên, nhận thấy bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của E.Land là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của E.Land không xuất trình được chứng cứ nào mới so với cấp sơ thẩm. Do đó, kháng cáo của E.Land là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[7] Về án phí hành chính phúc thẩm: E.Land phải nộp 300.000 đồng.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính,

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH E1.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 723/2025/HC-ST ngày 22/9/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các khoản 1, 2 Điều 3, khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ vào các khoản 3, 4 Điều 19, Điều 110, Điều 112 Luật Quản lý thuế năm 2019;

Căn cứ vào các điểm a, d, đ, k, khoản 2, Điều 5, khoản 2 Điều 6, khoản 6 Điều 10, điểm d khoản 2 Điều 14, điểm d khoản 2 Điều 17, điểm đ khoản 3 Điều 20 Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 9/5/2020 của Chính phủ, quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

*Tuyên xử:*

[1] Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH E1 về việc:

- Hủy một phần Quyết định số 1912/QĐ-CT ngày 14/06/2024 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H (nay là Trưởng Thuế Thành phố H) về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế liên quan đến tiền phạt khai sai, tiền truy thu và tiền chậm nộp tiền thuế TNDN của Công ty TNHH E1;

- Buộc Cục Thuế Thành phố H (nay là Thuế Thành phố H) hoàn trả lại cho Công ty TNHH E1 số tiền phạt khai sai, tiền truy thu và tiền chậm nộp tiền thuế TNDN mà Công ty đã nộp vào ngân sách Nhà nước theo Quyết định số 1912/QĐ-CT ngày 14/06/2024 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H tổng số tiền là 12.004.139.730 (mười hai tỷ không trăm lẻ bốn triệu một trăm ba mươi chín ngàn bảy trăm ba mươi) đồng.

[2] Về án phí hành chính phúc thẩm: Công ty TNHH E1 phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0026101 ngày 14/10/2025 của Thị hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty TNHH E1 đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT và KSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, HCTP (NTCL).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Văn Khoa**